CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006644 ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã hai lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2010: 80.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà xuất bản Giáo dục là 40%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84) 38300707
- Fax: (84) 38300702
- Website: www.sachhoctro.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm;
- Thiết kế đồ họa, dịch thuật;
- Sản xuất mua bán: Thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ in ấn: đóng bì; gáy sách; mạ nhũ, mạ vàng; nhuộm màu bìa sách;
- Thiết kế tạo mẫu;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán), tư vấn du học;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất băng đĩa từ tính, quang họcvà sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 62 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 11 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Xà Thiệu Hoàng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007
	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20/04/2010
• Ông Vũ Bá Hòa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007
		Miễn nhiệm ngày 09/04/2010
• Bà Lê Phương Mai	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007
• Ông Trần Đức Thịnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007
• Ông Nguyễn Minh Khang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007
• Bà Hoàng Minh Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2010

Ban kiểm soát

• Bà Đặng Thanh Trúc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007
• Bà Nguyễn Thị Chanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007
• Ông Lê Xuân Huy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Xà Thiệu Hoàng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007
• Bà Trần Thị Kim Nhung	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007
		Miễn nhiệm ngày 01/02/2010
• Bà Đặng Thục Trinh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007
• Bà Lê Phương Mai	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ tron tháng đầu năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện h

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM

Xà Thiệu Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL
Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số:1196/BCKT-AAC *Đà Nẵng, ngày 27 tháng 7 năm 2010*

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Kính gởi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 được lập ngày 27/7/2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 24. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ảnh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY T.N.H.H KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

Phan Xuân Vạn	**Trần Thị Thu Hiền**
Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV	*Chứng chỉ KTV số 0753/KTV*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**189.152.248.433**	**159.671.131.681**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**5.621.535.154**	**7.382.483.922**
1.	Tiền	111	5	5.621.535.154	7.382.483.922
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**65.172.110.942**	**24.191.460.326**
1.	Phải thu của khách hàng	131		64.690.800.400	23.094.578.913
2.	Trả trước cho người bán	132		495.327.679	958.598.038
3.	Các khoản phải thu khác	135	6	110.000.000	138.283.375
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	7	(124.017.137)	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**112.121.163.690**	**121.539.526.027**
1.	Hàng tồn kho	141	8	114.121.888.166	121.539.526.027
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	9	(2.000.724.476)	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**6.237.438.647**	**6.557.661.406**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	5.324.530.578	5.634.170.853
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		360.684.202	797.304.491
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158	11	552.223.867	126.186.062
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**38.957.674.152**	**33.380.267.202**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**643.587.760**	**982.615.810**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	643.587.760	982.615.810
	- Nguyên giá	222		2.317.486.689	2.412.191.502
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.673.898.929)	(1.429.575.692)
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		-	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**37.240.600.000**	**31.645.600.000**
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	35.738.600.000	30.143.600.000
2.	Đầu tư dài hạn khác	258	14	1.617.000.000	1.617.000.000
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(115.000.000)	(115.000.000)
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**1.073.486.392**	**752.051.392**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	16	1.073.486.392	752.051.392
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**228.109.922.585**	**193.051.398.883**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**130.875.865.784**	**100.538.800.312**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**130.819.857.305**	**100.489.382.965**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	17	40.440.274.827	29.999.800.000
2.	Phải trả cho người bán	312		79.135.778.751	60.073.967.179
3.	Người mua trả tiền trước	313		1.057.890.456	2.770.970.453
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	5.613.042.934	3.876.119.921
5.	Phải trả người lao động	315		695.835.620	15.086.300
6.	Chi phí phải trả	316	19	2.704.598.314	-
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	364.154.731	119.642.915
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		808.281.672	3.633.796.197
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**56.008.479**	**49.417.347**
1.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		56.008.479	49.417.347
2.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**97.234.056.801**	**92.512.598.571**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**97.234.056.801**	**92.512.598.571**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	80.000.000.000	80.000.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417	21	3.481.193.632	3.481.193.632
3.	Quỹ dự phòng tài chính	418	21	2.391.102.218	2.391.102.218
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	11.361.760.951	6.640.302.721
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**228.109.922.585**	**193.051.398.883**

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Xa Thiệu Hoàng	Lê Phương Mai	Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**22**	**128.544.130.151**	**96.748.010.648**
2.	Các khoản giảm trừ	02		645.934.104	714.664.298
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		127.898.196.047	96.033.346.350
4.	Giá vốn hàng bán	11	23	100.954.815.409	76.445.443.051
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**26.943.380.638**	**19.587.903.299**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	95.749.017	184.245.980
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	25	3.379.105.893	1.919.651.531
	Trong đó: Lãi vay	*23*		*2.606.708.182*	*1.652.719.585*
8.	Chi phí bán hàng	24		3.925.506.905	3.180.304.164
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.828.909.715	3.143.327.836
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**14.905.607.142**	**11.528.865.748**
11.	Thu nhập khác	31	26	115.487.062	215.210.975
12.	Chi phí khác	32	27	9.139.557	-
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**106.347.505**	**215.210.975**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	**28**	**15.011.954.647**	**11.744.076.723**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	28	3.890.496.417	1.764.181.459
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**		-	
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**	**28**	**11.121.458.230**	**9.979.895.264**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.390	1.247

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Xa Thiệu Hoàng	Lê Phương Mai	Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	85.383.697.459	85.537.334.032
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(79.917.325.745)	(76.905.060.739)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.062.620.636)	(3.249.239.300)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.606.708.182)	(1.652.719.585)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(2.027.123.956)	(812.753.503)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.194.113.509	2.353.517.467
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.682.936.589)	(7.833.802.614)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(6.718.904.140)**	**(2.562.724.242)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(401.258.912)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	16.731.528	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.595.000.000)	(420.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	95.749.017	184.245.980
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(5.482.519.455)**	**(637.012.932)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	59.076.210.817	44.960.799.759
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(48.635.735.990)	(42.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**10.440.474.827**	**2.960.799.759**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**	**(1.760.948.768)**	**(238.937.415)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.382.483.922	7.610.010.129
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**5.621.535.154**	**7.371.072.714**

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Xà Thiệu Hoàng	Lê Phương Mai	Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006644 ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã hai lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm;
- Thiết kế đồ họa, dịch thuật;
- Sản xuất mua bán: Thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ in ấn: đóng bì; gáy sách; mạ nhũ, mạ vàng; nhuộm màu bìa sách;
- Thiết kế tạo mẫu;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán), tư vấn du học;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất băng đĩa từ tính, quang họcvà sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu kỳ sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.
Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng. Công ty thực hiện khấu hao nhanh, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải	1,5
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiên sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện tỏng nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng:

  + Sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa: thuộc đối tượng không chịu thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

+ Lịch, sách giáo khoa khác: áp dụng thuế suất 10%

+ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	797.512.822	688.796.660
Tiền gởi ngân hàng	4.824.022.332	6.693.687.262
Cộng	**5.621.535.154**	**7.382.483.922**

6. Các khoản phải thu khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	-	58.691.675
Phải thu BHXH	-	29.591.700
Phải thu khác	110.000.000	50.000.000
Cộng	**110.000.000**	**138.283.375**

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Trích lập đối với Công ty Sách TBTH Đăk Nông	124.017.137	-
Cộng	**124.017.137**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Hàng tồn kho

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	65.339.913.795	82.912.208.422
Chi phí SX, KD dở dang	13.534.904.505	13.988.094.135
Thành phẩm	35.247.069.866	24.639.223.470
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**114.121.888.166**	**121.539.526.027**

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Trích lập dự phòng sách lỗi thời, giảm giá	2.000.724.476	-
Cộng	**2.000.724.476**	-

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	5.324.530.578	5.634.170.853
Cộng	**5.324.530.578**	**5.634.170.853**

11. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	552.223.867	126.186.062
Cộng	**552.223.867**	**126.186.062**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.793.514.696	618.676.806	2.412.191.502
Mua sắm trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	94.704.813	94.704.813
Số cuối năm	**1.793.514.696**	**523.971.993**	**2.317.486.689**
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	883.344.413	546.231.279	1.429.575.692
Khấu hao trong năm	298.919.114	30.969.379	329.888.493
T/lý, nhượng bán	-	85.565.256	85.565.256
Số cuối kỳ	**1.182.263.527**	**491.635.402**	**1.673.898.929**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	910.170.283	72.445.527	982.615.810
Số cuối năm	**611.251.169**	**32.336.591**	**643.587.760**

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2010 là: 368.174.676 đồng.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết		-
- Công ty CP thiết bị Giáo dục II (Tỷ lệ 37% vốn điều lệ)	*35.738.600.000*	*30.143.600.000*
Cộng	**35.738.600.000**	**30.143.600.000**

14. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư cổ phiếu		
- Công ty CP Siêu thị Tân An	*1.197.000.000*	*1.197.000.000*
- Công ty CP DV XBGD Gia Định	*420.000.000*	*420.000.000*
Cộng	**1.617.000.000**	**1.617.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Dự phòng tổn thất đầu tư cổ phiếu Cty CP Siêu thị Tân An	115.000.000	115.000.000
Cộng	**115.000.000**	**115.000.000**

16. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí bản quyền truyện tranh	535.781.392	535.781.392
Chi phí tổ chức SGK theo hướng đổi mới	209.950.000	209.950.000
Chi phí tổ chức bản thảo	327.755.000	6.320.000
Cộng	**1.073.486.392**	**752.051.392**

17. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn	40.440.274.827	29.999.800.000
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC	*25.095.274.837*	*10.999.800.000*
- Công ty CP ĐT tài chính Giáo dục	-	*15.000.000.000*
- Công ty CP Học Liệu Emco	*3.000.000.000*	*4.000.000.000*
- Ngân hàng Vietcombank	*12.344.999.990*	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	**40.440.274.827**	**29.999.800.000**

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.542.126.543	3.678.754.082
Thuế thu nhập cá nhân	70.916.391	196.744.135
Các loại thuế khác	-	621.704
Cộng	**5.613.042.934**	**3.876.119.921**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Chi phí phải trả

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Chiết khấu thanh toán nhanh phải trả	616.472.392	-
Chi phí vận chuyển phải trả	1.200.000.000	-
Lệ phí xuất bản phải trả	288.125.922	-
Chi phí thuê văn phòng phải trả, thuê kho	600.000.000	-
Cộng	**2.704.598.314**	**-**

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	197.534.131	119.642.915
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	150.120.600	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.500.000	-
Cộng	**364.154.731**	**119.642.915**

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2009	**80.000.000.000**	**1.613.552.772**	**1.613.552.772**	**1.399.511.582**
Tăng trong năm	-	1.867.640.860	777.549.446	17.127.597.815
Giảm trong năm	-			11.886.806.676
Số dư tại 31/12/2009	**80.000.000.000**	**3.481.193.632**	**2.391.102.218**	**6.640.302.721**
Số dư tại 01/01/2009	**80.000.000.000**	**3.481.193.632**	**2.391.102.218**	**6.640.302.721**
Tăng trong năm	-	-		11.121.458.230
Giảm trong năm	-	-	-	6.400.000.000
Số dư tại 30/06/2010	**80.000.000.000**	**3.481.193.632**	**2.391.102.218**	**11.361.760.951**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Vốn góp của Nhà xuất bản giáo dục	32.000.000.000	32.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	48.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	**80.000.000.000**	**80.000.000.000**

c. Cổ phiếu

	30/06/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu thường	*8.000.000*	*8.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu thường	*8.000.000*	*8.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	6.640.302.721	1.399.511.582
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.121.458.230	17.127.597.815
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	**6.400.000.000**	**11.886.806.676**
Phân phối các quỹ	-	3.110.197.784
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ dự phòng tài chính	-	*777.549.446*
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	*777.549.446*
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	*1.555.098.892*
Thuế TNDN được giảm tăng Quỹ đầu tư phát triển	-	1.576.608.892
Chi trả cổ tức	6.400.000.000	7.200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**11.361.760.951**	**6.640.302.721**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Tổng doanh thu	**128.544.130.151**	**96.748.010.648**
Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	101.957.497.072	83.132.985.256
Doanh thu sách tham khảo	13.906.120.462	11.002.845.323
Doanh thu lịch bloc	357.718.138	177.997.266
Doanh thu các hoạt động khác	12.322.794.479	2.434.182.803
Các khoản giảm trừ doanh thu	**645.934.104**	**714.664.298**
Hàng bán bị trả lại	645.934.104	714.664.298
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, dịch vụ	**127.898.196.047**	**96.033.346.350**

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Giá vốn sách bổ trợ, sách giáo khoa	76.746.756.334	66.889.613.487
Giá vốn sách tham khảo	11.227.248.653	7.175.989.187
Giá vốn lịch bloc	424.614.731	384.953.170
Giá vốn các hoạt động khác	12.556.195.691	1.994.887.207
Cộng	**100.954.815.409**	**76.445.443.051**

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	53.289.017	184.245.980
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.460.000	-
Cộng	**95.749.017**	**184.245.980**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền vay	2.606.708.182	1.652.719.585
Chiết khấu thanh toán	772.397.711	266.931.946
Cộng	**3.379.105.893**	**1.919.651.531**

26. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Nhận tiền tài trợ	77.791.898	-
Thu nhập từ bán thanh lý tài sản cố định	16.731.528	
Thu phí tham gia hội sách	20.963.636	
Thu từ nhập vật tư thừa từ cắt rọc	-	130.235.725
Thu từ làm từ điển, huấn luyện giáo viên, thi Olympic,...	-	84.975.250
Cộng	**115.487.062**	**215.210.975**

27. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	9.139.557	-
Cộng	**9.139.557**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.011.954.647	11.744.076.723
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	550.031.021	-
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	*592.491.021*	-
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	*42.460.000*	-
Tổng thu nhập chịu thuế	15.561.985.668	11.744.076.723
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	3.890.496.417	2.936.019.181
Thuế TNDN được giảm theo TT03/2009/TT–BTC. Trong đó:	-	1.171.837.722
Thuế TNDN được giảm của năm 2009		*880.805.754*
Thuế TNDN được giảm của Quý 4/2008		*291.031.968*
Chi phí Thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	3.890.496.417	1.764.181.459
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**11.121.458.230**	**9.979.895.264**

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.121.458.230	9.979.895.264
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	11.121.458.230	9.979.895.264
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.390**	**1.247**

30. Cổ tức

Cổ tức của năm 2009 là 17%/vốn điều lệ. Trong đó, cổ tức đã tạm ứng bằng tiền trong năm 2009 là 7.200.000.000 đồng (tỷ lệ 9%). Cổ tức còn lại đã chia bằng tiền cho các cổ đông vào tháng 03/2010 là 6.400.000.000 đồng (tương ứng với tỷ lệ 8%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại HCM	Công ty đầu tư
Chi nhánh Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP sách Giáo dục tại HN	Chung công ty đầu tư
Công ty CP sách Giáo dục tại ĐN	Chung công ty đầu tư
Công ty CP sách Giáo dục tại HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu GD HN	Chung công ty đầu tư
Công ty CP sách TBTH Tp. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP sách TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP sách TBGD Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP sách TBGD Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD tại HN	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD tại ĐN	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật Sao Mai	Chung công ty đầu tư
Công ty CP CNTT Trí Đức	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP CP DVXB GD Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP thiết bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư
Công ty CP in SGK tại Tp. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư tài chính Giáo dục	Chung công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Bán hàng		
Công ty sách giáo dục tại TP.HCM	Cung ứng sách bổ trợ, sách tham khảo	3.544.014.101
Công ty cổ phần Học Liệu	Cung ứng sách bổ trợ, sách tham khảo	1.357.595.669
Công ty sách TBTH Bình Thuận	Cung ứng sách bổ trợ, sách tham khảo	4.397.705.275
Công ty CP sách TBGD Bình Dương	Cung ứng sách bổ trợ, sách tham khảo	4.261.093.446
Công ty CP Sách TBTH TP.HCM	Cung ứng sách bổ trợ, sách tham khảo	13.809.838.946
Công ty Cp Đầu tư & PTGD Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	398.437.070
Công ty CP Mỹ Thuật Sao Mai	Cung ứng sách bổ trợ, sách tham khảo	414.355.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng sách bổ trợ, sách tham khảo	857.937.358
Mua hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục Viêt Nam	Mua tem chống giả, vật tư	939.359.999
Chi Nhánh NXBGD tại TP.HCM	Mua Sách giáo khoa	660.919.262
Chi nhánh NXBGD tại TP.Cần Thơ	Mua sách giáo khoa	4.521.125.226
Công ty CP in sách giáo khoa TP.HCM	Thanh toán công in	1.556.769.827
Công ty CP Đầu tư & PTGD Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	507.426.984
Công ty CP Đầu tư & PTGD Hà Nội	Mua sách tham khảo	3.181.038.899
Công ty CP DVụ Xuất bản GD Gia Định	Mua bản thảo	1.646.700.350
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Mua sách giáo khoa	3.071.976.531
Vay ngắn hạn		
Công ty cổ phần Học Liệu	Vay vốn	1.500.000.000
Công ty cổ phần Học Liệu	Trả nợ gốc vay vốn	2.500.000.000

c. Vào ngày 30/06/2010, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu VND	Phải trả VND
Cơ quan công ty mẹ NXBGD	Phải trả người bán		6.437.125.808
NXBGD tại Hà Nội	Phải trả người bán		4.506.736.867
NXBGD tại Tp. Đà Nẵng	Phải trả người bán		69.429.614
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán		933.187.774
Công ty cổ phần in SGK Tp. HCM	Phải trả người bán		729.113.458
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Phải thu khách hàng	356.498.417	
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	13.176.000	
Công ty CP sách Giáo dục tại TP.HCM (HEBCO)	Phải thu khách hàng	1.475.655.840	
Công ty CP Sách Đại Học – DN	Phải trả người bán	411.039.728	
Công ty Cổ phần Học Liệu	Phải thu khách hàng	990.517.752	
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Phải thu khách hàng	1.759.109.325	
Công ty CP Sách - Thiết bị GD Bình Dương	Phải thu khách hàng	2.282.794.140	
Công ty CP Sách - TBTH Tp. Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	8.095.276.447	
Công ty CP ĐT&PTGD Đà Nẵng	Phải trả người bán		236.925.498
Công ty CP ĐT&PTGD Hà Nội	Phải trả người bán		2.204.459.894
Công ty CP sách dân tộc	Phải trả người bán		24.852.820
CN NXBGD Tại TP Cần Thơ	Phải trả người bán		2.865.229.762
Công ty CP ĐT tài chính Giáo dục	Phải trả người bán		86.854.166
Công Ty Cổ Phần Mỹ Thuật Sao Mai	Phải thu khách hàng	684.893.653	
Tạp chí toán tuổi thơ	Trả trước cho người bán	1.597.000	
Công ty CP Học liệu Giáo dục HN	Phải thu khách hàng	26.106.800	
Công ty Cp Công Nghệ Thông Tin Trí Đức	Phải thu khách hàng	367.472.124	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty CP thiết kế và PH sách Giáo dục	Phải thu khách hàng	27.229.393	
Công ty CP DVụ XBản GDục Gia Định	Phải trả người bán		934.103.246
Công ty CP Mĩ thuật Truyền thông	Phải thu khách hàng	199.696.000	
Công ty CP Thiết Bị Dục 2	Phải trả người bán	845.025.747	
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	Phải thu khách hàng	61.084.200	
Công ty CP Thiết kế và Phát hành Sách Giáo dục	Phải trả người bán		2.112.500
Công ty CP in PHS & TBTH Quảng Nam	Phải trả người bán		253.861.714
Công ty CP in & DV Đà Nẵng	Phải trả người bán		163.044.880
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Phải trả người bán		2.034.390.146
Công ty CP sách TBGD Cửu Long	Trả trước cho người bán	200.000.000	

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Xa Thiệu Hoàng	Lê Phương Mai	Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2010